



Số: 47/CV-HAGL

(V/v: Giải trình BCTC Tổng hợp bán niên 2023 đã được soát xét)

Gia Lai, ngày 29 tháng 8 năm 2023

- Kính gửi:
- Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
 - Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty”) (mã CK: HAG) giải trình biến động kết quả kinh doanh và ý kiến nhấn mạnh trên báo cáo tài chính tổng hợp bán niên 2023 đã được soát xét như sau:

Trong báo cáo tài chính tổng hợp bán niên 2023 đã được soát xét, Công ty lỗ 101 tỷ đồng nguyên nhân chủ yếu do Công ty không trực tiếp sản xuất kinh doanh dẫn đến lợi nhuận gộp không đủ bù đắp chi phí.

I. Chênh lệch kết quả hoạt động kinh doanh giữa Báo cáo tài chính tổng hợp Quý II/2023 chưa được soát xét và Báo cáo tài chính tổng hợp bán niên 2023 đã được soát xét:

ĐVT: Ngân VND

Khoản mục	BCTC tổng hợp Quý II/2023 (Chưa soát xét)	BCTC tổng hợp bán niên 2023 (Đã soát xét)	Chênh lệch
Lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp	84.727.732	101.914.619	17.186.887

II. Biến động kết quả kinh doanh trên Báo cáo tài chính tổng hợp bán niên 2023 so với Báo cáo tài chính tổng hợp bán niên 2022 đã được soát xét:

ĐVT: Ngân VND

Khoản mục	BCTC tổng hợp bán niên 2023	BCTC tổng hợp bán niên 2022	Biến động
Lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp	101.914.619	91.197.338	10.717.281

Nguyên nhân dẫn đến chênh lệch/biến động như trên chủ yếu do kiểm toán viên đã đề nghị trích thêm chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh.

III. Giải trình ý kiến nhấn mạnh trong Báo cáo tài chính tổng hợp bán niên 2023 đã được soát xét:

Trong báo cáo tài chính tổng hợp bán niên 2023 đã được soát xét, kiểm toán viên có nhấn mạnh đến khoản lỗ thuần 101.914.619 ngàn VND cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023, khoản lỗ lũy kế của Công ty là 3.641.165.170 ngàn VND, và nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 962.601.979 ngàn VND. Điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp bán niên 2023 đã được soát xét, Công ty đã lập kế hoạch cho 12 tháng tiếp theo bao gồm dòng tiền dự kiến sẽ được tạo ra từ việc thanh lý một phần các khoản đầu tư tài chính, thu hồi nợ từ các đối tác, dòng tiền từ việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ. Công ty cũng đang trong quá trình làm việc với các bên cho vay về việc điều chỉnh các điều khoản đã bị vi phạm của các hợp đồng vay có liên quan và bổ sung tài sản đảm bảo. Theo đó, Công ty có thể hoàn trả các khoản nợ khi đến hạn và tiếp tục hoạt động trong 12 tháng tiếp theo. Dựa trên cơ sở này,

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Trụ Sở Chính: 15 Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Tp.Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Tel: (+84) 0269 2225 888 Fax: (+84) 0269 2222 335 Email: info@hagl.com.vn

Ban Tổng Giám đốc Công ty vẫn tiến hành lập báo cáo tài chính tổng hợp bán niên 2023 trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

Trên đây là giải trình của Công ty về Báo cáo tài chính tổng hợp bán niên 2023 đã được soát xét.

Trân trọng kính chào.

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG ANH GIA LAI
TỔNG GIÁM ĐỐC



VÕ TRƯỜNG SƠN

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT-KH&ĐT



Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023



Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023



Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

NỘI DUNG

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	11 - 52

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 3903000083, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 1 tháng 6 năm 2006 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") theo Quyết định số 124/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 15 tháng 12 năm 2008 với mã giao dịch "HAG".

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty có bảy (7) công ty con trực tiếp, tám (8) công ty con gián tiếp, hai (2) công ty liên kết và bốn (4) chi nhánh.

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty là quản lý các khoản đầu tư; kinh doanh vật tư và máy móc thiết bị ngành trồng trọt và chăn nuôi; dịch vụ nông nghiệp; cơ khí; và kinh doanh khách sạn.

Công ty có trụ sở chính tọa lạc tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty cũng có các chi nhánh hạch toán phụ thuộc tọa lạc tại Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT") trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch	
Ông Võ Trường Sơn	Thành viên	
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên	
Ông Nguyễn Chí Thắng	Thành viên	bỏ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2023
Ông Trần Văn Dai	Thành viên độc lập	
Bà Võ Thị Huyền Lan	Thành viên độc lập	miễn nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2023

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban Kiểm soát ("BKS") trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Bà Đỗ Trần Thùy Trang	Trưởng ban
Ông Lê Hồng Phong	Thành viên
Ông Phạm Ngọc Châu	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Ông Võ Trường Sơn	Tổng Giám đốc
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Phó Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Võ Trường Sơn.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 để ngày 29 tháng 8 năm 2023.

Người sử dụng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cần đọc báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã đề cập trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2023

Số tham chiếu: 60752790/66926721/LR-R

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty”) được lập vào ngày 29 tháng 8 năm 2023 và được trình bày từ trang 6 đến trang 52, bao gồm bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính tổng hợp giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.6 của báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, Công ty đã phát sinh khoản lỗ thuần 101.914.619 ngàn VND cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023. Cũng tại ngày này, khoản lỗ lũy kế của Công ty là 3.641.165.170 ngàn VND, và nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 962.601.979 ngàn VND. Điều kiện này cùng với những vấn đề khác được nêu trong Thuyết minh số 2.6 cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Kết luận của chúng tôi về công tác soát xét báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.



Lê Vũ Trường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 1588-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2023

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		4.291.027.757	6.460.443.311
110	I. Tiền	4	9.930.895	30.395.139
111	1. Tiền		9.930.895	30.395.139
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		4.272.471.945	6.414.995.552
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	121.200.350	284.431.399
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	314.955.103	296.177.641
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	2.817.630.153	4.426.323.108
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	1.979.732.542	2.364.557.212
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5, 6, 7, 8	(961.046.203)	(956.493.808)
140	III. Hàng tồn kho	9	3.100.348	7.421.756
141	1. Hàng tồn kho		5.441.923	9.763.331
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(2.341.575)	(2.341.575)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		5.524.569	7.630.864
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		817.693	2.891.347
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		1.579.297	1.611.938
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		3.127.579	3.127.579
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		11.046.375.618	8.611.044.113
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		1.021.146.859	1.981.787.197
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	1.026.748.550	1.815.345.034
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	12.457.973	183.968.426
219	3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	7, 8	(18.059.664)	(17.526.263)
220	II. Tài sản cố định		167.726.062	171.171.201
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	142.447.883	145.893.022
222	Nguyên giá		290.219.428	290.159.528
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(147.771.545)	(144.266.506)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	25.278.179	25.278.179
228	Nguyên giá		40.450.152	40.450.152
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(15.171.973)	(15.171.973)
230	III. Bất động sản đầu tư	12	37.133.450	59.975.442
231	1. Nguyên giá		47.003.809	74.075.831
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(9.870.359)	(14.100.389)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		13.695.493	13.668.221
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		13.695.493	13.668.221
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	13	9.805.229.516	6.374.664.374
251	1. Đầu tư vào công ty con		10.113.808.169	6.690.982.169
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		32.500.000	5.000.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.048.791.081	1.048.791.081
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(1.389.869.734)	(1.370.108.876)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.444.238	9.777.678
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	1.444.238	9.777.678
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		15.337.403.375	15.071.487.424

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2023

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		9.424.680.412	9.056.081.842
310	I. Nợ ngắn hạn		5.253.629.736	4.969.402.909
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	66.004.955	271.216.701
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	10.569.587	10.396.667
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	892.072	4.266.210
314	4. Phải trả người lao động		7.345.946	9.444.653
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	2.765.047.047	2.592.059.332
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	443.636.321	123.189.887
320	7. Vay ngắn hạn	20	1.960.030.298	1.958.725.949
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		103.510	103.510
330	II. Nợ dài hạn		4.171.050.676	4.086.678.933
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	18	571.942.908	490.236.779
337	2. Phải trả dài hạn khác	19	7.666.626	7.666.626
338	3. Vay dài hạn	20	3.584.212.854	3.581.600.405
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	27.2	1.863.454	1.810.289
342	5. Dự phòng phải trả dài hạn		5.364.834	5.364.834
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		5.912.722.963	6.015.405.582
410	I. Vốn chủ sở hữu	21.1	5.912.722.963	6.015.405.582
411	1. Vốn cổ phần		9.274.679.470	9.274.679.470
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		9.274.679.470	9.274.679.470
415	2. Cổ phiếu quỹ		(686.640)	(686.640)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		279.895.303	279.895.303
421	4. Lỗ lũy kế		(3.641.165.170)	(3.538.482.551)
421a	- Lỗ lũy kế đến cuối kỳ trước		(3.539.250.551)	(3.718.871.665)
421b	- (Lỗ) lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		(101.914.619)	180.389.114
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		15.337.403.375	15.071.487.424

Phạm Thị Thu Hà
Người lập

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2023

Lê Trương Y Trâm
Kế toán trưởng



Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	23.217.432	78.358.282
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	23	(19.616.974)	(72.823.717)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		3.600.458	5.534.565
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	252.482.561	285.567.857
22 23	5. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	24	(313.493.388) (293.628.738)	(857.795.410) (238.833.674)
25	6. Chi phí bán hàng	25	(1.951.258)	(935.832)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(36.179.728)	507.738.568
30	8. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh		(95.541.355)	(59.890.252)
31	9. Thu nhập khác	26	9.516	441.618
32	10. Chi phí khác	26	(5.759.276)	(30.220.492)
40	11. Lỗ khác	26	(5.749.760)	(29.778.874)
50	12. Tổng lỗ kế toán trước thuế		(101.291.115)	(89.669.126)
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	(570.339)	-
52	14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	27.2	(53.165)	(1.528.212)
60	15. Lỗ sau thuế TNDN		(101.914.619)	(91.197.338)

Phạm Thị Thu Hà
Người lập

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2023

Lê Trương Y Trâm
Kế toán trưởng



Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Lỗ kế toán trước thuế		(101.291.115)	(89.669.126)
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định ("TSCĐ") và bất động sản đầu tư	10, 11, 12	4.635.617	4.906.679
03	Các khoản dự phòng		24.846.654	76.519.257
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(504.216)	(7.031.370)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(249.101.493)	(278.536.487)
06	Chi phí lãi vay	24	293.628.738	238.833.674
08	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(27.785.815)	(54.977.373)
09	(Tặng) giảm các khoản phải thu		(134.385.172)	27.859.812
10	Giảm hàng tồn kho		4.321.408	11.097.669
11	Tặng các khoản phải trả		103.902.821	44.006.242
12	Giảm (tặng) chi phí trả trước		2.242.040	(40.332)
14	Tiền lãi vay và lãi hợp đồng hợp tác kinh doanh ("HĐHTKD") đã trả		(29.599.717)	(30.416.667)
15	Thuế TNDN đã nộp	17	(549.614)	-
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(202.434)	(1.116.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(82.056.483)	(3.586.649)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ		(59.900)	-
22	Tiền thu do thanh lý TSCĐ		26.638.587	-
23	Tiền chi cho vay		(31.720.000)	(986.081.270)
24	Tiền thu hồi cho vay		66.596.937	218.009.758
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(27.500.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	791.244.823
27	Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi		136.615	11.950.096
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		61.592.239	7.623.407

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(20.464.244)	4.036.758
60	Tiền đầu kỳ		30.395.139	22.056.536
70	Tiền cuối kỳ	4	9.930.895	26.093.294



Phạm Thị Thu Hà
Người lập

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2023



Lê Trương Y Trâm
Kế toán trưởng



Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 3903000083, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 1 tháng 6 năm 2006 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") theo Quyết định số 124/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 15 tháng 12 năm 2008 với mã giao dịch "HAG".

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty có bảy (7) công ty con trực tiếp, tám (8) công ty con gián tiếp, hai (2) công ty liên kết và bốn (4) chi nhánh với chi tiết như sau:

Tên công ty	Trụ sở	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)
Lĩnh vực nông nghiệp				
(1) Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	98,00	98,00
(2) Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Champasak, Lào	Đang hoạt động	100,00	98,00
(3) Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Khăn Xay	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	100,00	98,00
(4) Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	88,03	88,03
(5) Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Mang Yang	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	51,00	44,90
(6) Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	100,00	90,00
(7) Công ty Cổ phần Lê Me	Gia Lai, Việt Nam	Trước hoạt động (i)	100,00	87,74
(8) Công ty TNHH Sản xuất Bột mì	Stung Treng, Campuchia	Trước hoạt động (i)	100,00	87,74
(9) Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao Bolaven	Champasak, Lào	Đang hoạt động	100,00	98,00
(10) Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Hoàn Thịnh Attapeu	Attapeu, Lào	Trước hoạt động (i)	100,00	98,00
(11) Công ty Cổ phần Chế biến thức ăn gia súc Trà Bá	Gia Lai, Việt Nam	Trước hoạt động (i)	100,00	86,86
(12) Công ty Cổ phần Trồng trọt Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Trước hoạt động (i)	100,00	86,86
Lĩnh vực xây dựng, kinh doanh và dịch vụ				
(13) Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	100,00	97,50
(14) Công ty Cổ phần Bệnh viện Đại học Y dược - Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	99,00	99,00
(15) Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Viêng Chăn, Lào	Trước hoạt động (i)	100,00	100,00

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty có bảy (7) công ty con trực tiếp, tám (8) công ty con gián tiếp, hai (2) công ty liên kết và bốn (4) chi nhánh với chi tiết như sau: (tiếp theo)

Tên công ty	Trụ sở	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)
Công ty liên kết				
(1) Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông	Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đang hoạt động	25,00	25,00
(2) Công ty Cổ phần BAPI Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	34,00	44,50

Các chi nhánh hạch toán phụ thuộc:

Dịch vụ hàng hóa - xây dựng

(1) Chi nhánh Nguyên vật liệu - Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-	-
(2) Chi nhánh Cơ khí - Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-	-
(3) Chi nhánh Chế biến Hoa quả - Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-	-

Quản lý bất động sản và khách sạn

(4) Khách sạn Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-	-
---------------------------------	-------------------	----------------	---	---

(i) Tình trạng trước hoạt động là tình trạng công ty con đang trong giai đoạn đầu tư và chưa bắt đầu hoạt động kinh doanh chính vào ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty là quản lý các khoản đầu tư; kinh doanh vật tư và máy móc thiết bị ngành trồng trọt và chăn nuôi; dịch vụ nông nghiệp; cơ khí; kinh doanh khách sạn.

Công ty có trụ sở chính tọa lạc tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty cũng có các chi nhánh hạch toán phụ thuộc tọa lạc tại Tỉnh Gia Lai.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 247 (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 290).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Công ty có các công ty con như được trình bày trong Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 13.1 của báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 đề ngày 29 tháng 8 năm 2023.

Người sử dụng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cần đọc báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã đề cập trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty (bao gồm báo cáo của Hội sở và các chi nhánh hạch toán phụ thuộc) được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính tổng hợp bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND").



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.6 *Giả định hoạt động liên tục*

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty đã phát sinh khoản lỗ thuần 101.914.619 ngàn VND cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023. Cũng tại ngày này, khoản lỗ lũy kế của Công ty là 3.641.165.170 ngàn VND, và nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 962.601.979 ngàn VND. Ngoài ra, tại ngày này, Công ty cũng đang vi phạm một số cam kết đối với hợp đồng trái phiếu và đang chưa thanh toán khoản lãi trái phiếu đến hạn thanh toán như được trình bày tại Thuyết minh số 20 của báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Công ty đã lập kế hoạch cho 12 tháng tiếp theo bao gồm dòng tiền dự kiến sẽ được tạo ra từ việc thanh lý một phần các khoản đầu tư tài chính, thanh lý tài sản, thu hồi các khoản cho vay từ các đối tác, tiền đi vay các ngân hàng thương mại và dòng tiền tạo ra từ các dự án đang triển khai. Công ty cũng đang trong quá trình làm việc với các bên cho vay về việc điều chỉnh các điều khoản đã bị vi phạm của các hợp đồng vay có liên quan. Theo đó, Công ty có thể hoàn trả các khoản nợ đến hạn và tiếp tục hoạt động trong 12 tháng tiếp theo. Dựa trên cơ sở này, Ban Tổng Giám đốc Công ty lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

Theo đó, báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể cần được thực hiện nếu báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở hoạt động không liên tục.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền*

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|--|--|
| Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và hàng hóa | - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa và các loại hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất

Tiền thuê đất trả trước cho hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45"). Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc thiết bị	5 - 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Vườn cây lâu năm	7 năm
Phần mềm máy vi tính	8 năm
Tài sản khác	6 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định thì không trích hao mòn.

3.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	23 - 30 năm
Quyền sử dụng đất	36 - 43 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí lũy kế liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các công trình nhà xưởng của Công ty mà các công trình này chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

3.9 *Thuê tài sản*

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3.10 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán vào chi phí hoạt động phát sinh trong kỳ.

3.11 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ:

- ▶ Tiền thuê đất trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê;
- ▶ Công cụ, dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn; và
- ▶ Các khoản chi phí trả trước khác.

3.12 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào các công ty con

Khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.14 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm thường xuyên từ đủ 12 tháng trở lên tại Công ty. Mức trích lập được tính bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc theo Luật lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.16 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu của Công ty được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo giá gốc và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.17 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Hội đồng Quản trị đề nghị và được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

▶ Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

▶ Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập nhằm đem lại phúc lợi chung, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ.

3.18 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện, trừ đi các khoản giảm giá, chiết khấu và các khoản thuế không hoàn lại.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận khi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.19 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải ghi giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Tiền mặt	1.239.337	992.282
Tiền gửi ngân hàng	8.691.558	29.402.857
TỔNG CỘNG	9.930.895	30.395.139

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Phải thu tiền thanh lý khoản đầu tư	92.434.018	92.434.018
Phải thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	27.132.584	190.725.046
Phải thu tiền bán căn hộ	1.222.335	1.222.335
Phải thu tiền thanh lý tài sản cố định	411.413	50.000
TỔNG CỘNG	121.200.350	284.431.399
Dự phòng phải thu ngắn hạn khách hàng khó đòi	(16.964.277)	(16.204.381)
GIÁ TRỊ THUẦN	104.236.073	268.227.018
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu các bên thứ ba</i>	101.748.645	101.402.899
<i>Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh ("TM") số 28)</i>	19.451.705	183.028.500

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng phải thu ngắn hạn khách hàng khó đòi như sau:

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Số đầu kỳ	16.204.381	51.962.222
Cộng: Dự phòng lập trong kỳ	759.896	989.479
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	(35.362.813)
Số cuối kỳ	16.964.277	17.588.888

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	314.955.103	296.177.641
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi	(298.180)	(284.297)
GIÁ TRỊ THUẦN	314.656.923	295.893.344
<i>Trong đó:</i>		
<i>Trả trước cho bên liên quan (TM số 28)</i>	312.213.389	286.841.877
<i>Trả trước cho các bên thứ ba</i>	2.741.714	9.335.764

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi như sau:

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Số đầu kỳ	284.297	-
Cộng: Dự phòng lập trong kỳ	13.883	436.074
Số cuối kỳ	<u>298.180</u>	<u>436.074</u>

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Ngắn hạn		
Cho vay ngắn hạn các bên liên quan (TM số 28) (i)	2.771.674.867	4.380.367.822
Cho vay ngắn hạn các bên khác	45.955.286	45.955.286
	<u>2.817.630.153</u>	<u>4.426.323.108</u>
Dài hạn		
Cho vay dài hạn các bên liên quan (TM số 28) (i)	1.009.203.566	1.797.818.771
Cho vay dài hạn các bên khác	17.544.984	17.526.263
	<u>1.026.748.550</u>	<u>1.815.345.034</u>
TỔNG CỘNG	3.844.378.703	6.241.668.142
Dự phòng phải thu về cho vay khó đòi	<u>(67.390.650)</u>	<u>(67.371.929)</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>3.776.988.053</u>	<u>6.174.296.213</u>

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng phải thu về cho vay khó đòi như sau:

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Số đầu kỳ	67.371.929	1.324.625.696
Cộng: Dự phòng lập trong kỳ	18.721	93.763.613
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	(917.711.036)
Số cuối kỳ	<u>67.390.650</u>	<u>500.678.273</u>
Trong đó:		
Ngắn hạn	49.845.666	131.397.575
Dài hạn	17.544.984	369.280.698

(i) Đây là các khoản cho vay tín chấp cho các bên liên quan, có thời hạn hoàn trả từ năm 2023 đến năm 2026 và hưởng lãi suất 10,40%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU KHÁC

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Ngắn hạn		
Chi trả hộ	1.494.241.053	1.427.720.380
Phải thu lãi cho vay	467.266.218	840.071.621
Tạm ứng cho nhân viên	12.207.073	9.055.478
Phải thu khác	6.018.198	87.709.733
	1.979.732.542	2.364.557.212
Dài hạn		
Phải thu lãi cho vay	11.943.293	183.453.746
Phải thu khác	514.680	514.680
	12.457.973	183.968.426
TỔNG CỘNG	1.992.190.515	2.548.525.638
Dự phòng phải thu khác khó đòi	(894.452.760)	(890.159.464)
GIÁ TRỊ THUẦN	1.097.737.755	1.658.366.174
<i>Trong đó:</i>		
Phải thu ngắn hạn các bên liên quan (TM số 28)	1.716.027.081	2.103.244.062
Phải thu dài hạn các bên liên quan (TM số 28)	11.943.293	183.453.746
Phải thu các bên thứ ba	264.220.141	261.827.830

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng phải thu khác khó đòi như sau:

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Số đầu kỳ	890.159.464	550.740.871
Cộng: Dự phòng lập trong kỳ	4.301.597	357.622.522
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(8.301)	(42.039.765)
Số cuối kỳ	894.452.760	866.323.628
<i>Trong đó:</i>		
Ngắn hạn	893.938.080	866.323.628
Dài hạn	514.680	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. HÀNG TỒN KHO

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Nguyên vật liệu	3.216.125	5.220.992
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.119.065	3.430.247
Hàng hóa	991.017	992.263
Thành phẩm	58.335	58.335
Công cụ, dụng cụ	57.381	61.494
TỔNG CỘNG	5.441.923	9.763.331
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.341.575)	(2.341.575)
GIÁ TRỊ THUẦN	3.100.348	7.421.756

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng hàng tồn kho như sau:

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Số đầu kỳ	2.341.575	-
Cộng: Dự phòng lập trong kỳ	-	3.703.405
Số cuối kỳ	2.341.575	3.703.405

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Vườn cây lâu năm	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá							
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	227.679.188	19.454.629	32.222.895	4.005.316	6.689.440	108.060	290.159.528
Mua mới trong kỳ	-	-	-	59.900	-	-	59.900
Ngày 30 tháng 6 năm 2023	227.679.188	19.454.629	32.222.895	4.065.216	6.689.440	108.060	290.219.428
Trong đó:							
Đã khấu hao hết	14.625.757	17.823.725	20.145.980	2.894.977	6.689.440	108.060	62.287.939
Giá trị khấu hao lũy kế							
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	(86.723.483)	(18.799.925)	(28.513.729)	(3.431.869)	(6.689.440)	(108.060)	(144.266.506)
Khấu hao trong kỳ	(2.766.003)	(51.606)	(577.350)	(110.080)	-	-	(3.505.039)
Ngày 30 tháng 6 năm 2023	(89.489.486)	(18.851.531)	(29.091.079)	(3.541.949)	(6.689.440)	(108.060)	(147.771.545)
Giá trị còn lại							
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	140.955.705	654.704	3.709.166	573.447	-	-	145.893.022
Ngày 30 tháng 6 năm 2023	138.189.702	603.098	3.131.816	523.267	-	-	142.447.883
Trong đó:							
Thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (TM số 20 và 29)	96.701.899	-	3.131.816	-	-	-	99.833.715

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Ngàn VND Tổng cộng
Nguyên giá			
Ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 30 tháng 6 năm 2023	25.278.179	15.171.973	40.450.152
Trong đó:			
Đã hao mòn hết	-	15.171.973	15.171.973
Giá trị hao mòn lũy kế			
Ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 30 tháng 6 năm 2023	-	(15.171.973)	(15.171.973)
Giá trị còn lại			
Ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 30 tháng 6 năm 2023	25.278.179	-	25.278.179
Trong đó:			
Thế chấp để đảm bảo các khoản vay của Công ty (TM số 20)	25.278.179	-	25.278.179

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	Ngàn VND Tổng cộng
Nguyên giá			
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	27.072.022	47.003.809	74.075.831
Thanh lý trong kỳ	(27.072.022)	-	(27.072.022)
Ngày 30 tháng 6 năm 2023	-	47.003.809	47.003.809
Giá trị khấu hao và hao mòn lũy kế			
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	(5.175.759)	(8.924.630)	(14.100.389)
Khấu hao và hao mòn trong kỳ	(184.849)	(945.729)	(1.130.578)
Thanh lý trong kỳ	5.360.608	-	5.360.608
Ngày 30 tháng 6 năm 2023	-	(9.870.359)	(9.870.359)
Giá trị còn lại			
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	21.896.263	38.079.179	59.975.442
Ngày 30 tháng 6 năm 2023	-	37.133.450	37.133.450
Trong đó:			
Thế chấp để đảm bảo các khoản vay của Công ty (TM số 20)	-	37.133.450	37.133.450

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

Thuyết minh bổ sung:

Các khoản doanh thu cho thuê và chi phí hoạt động liên quan đến bất động sản đầu tư được trình bày như sau:

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	1.543.808	434.164
Chi phí hoạt động kinh doanh trực tiếp của các bất động sản đầu tư tạo thu nhập cho thuê trong kỳ	945.729	1.315.426

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 30 tháng 6 năm 2023. Tuy nhiên, dựa trên giá trị thị trường của các tài sản, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Đầu tư vào công ty con (TM số 13.1)	10.113.808.169	6.690.982.169
Đầu tư vào công ty liên kết (TM số 13.2)	32.500.000	5.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (TM số 13.3)	1.048.791.081	1.048.791.081
TỔNG CỘNG	11.195.099.250	7.744.773.250
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(1.389.869.734)	(1.370.108.876)
GIÁ TRỊ THUẦN	9.805.229.516	6.374.664.374

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.1 Đầu tư vào các công ty con

Chi tiết về các khoản đầu tư như sau:

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh				Ngày 30 tháng 6 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc đầu tư	Dự phòng		Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc đầu tư	Dự phòng	
			%	Ngân VND			Ngân VND	%
Công ty Cổ phần Lê Me ("Lê Me") (*)	87,74	3.450.326.000	-	-	-	-	-	-
Công ty TNHH Hưng Thịnh Lợi Gia Lai	98,00	2.489.291.000	(650.458.785)	(650.458.785)	98,00	2.489.291.000	(650.458.785)	
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang ("Lơ Pang")	90,00	2.145.600.000	-	-	90,00	2.145.600.000	-	
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	88,03	1.822.042.563	-	-	88,03	1.822.042.563	-	
Công ty Cổ phần Bệnh viện Đại học Y dược - Hoàng Anh Gia Lai	99,00	99.000.000	-	-	99,00	99.000.000	-	
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	97,50	89.769.616	(89.769.616)	(89.769.616)	97,50	89.769.616	(89.769.616)	
Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	100,00	17.778.990	(17.778.990)	(17.778.990)	100,00	17.778.990	(17.778.990)	
Công ty Cổ phần BAPI Hoàng Anh Gia Lai (TM số 13.2)	-	-	-	-	55,00	27.500.000	-	
TỔNG CỘNG		10.113.808.169	(758.007.391)	(758.007.391)		6.690.982.169	(758.007.391)	

(*) Vào ngày 20 tháng 6 năm 2023, Công ty đã hoàn tất việc mua Lê Me thông qua hình thức chuyển đổi các khoản phải thu từ Lê Me thành khoản đầu tư, tương đương với 345.032.600 cổ phần hay 87,74% tỷ lệ sở hữu trong Công ty này theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Số 2611/NQĐHĐCĐ-HAGL ngày 26 tháng 11 năm 2021 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 1706/23/NQHQĐT-LM ngày 17 tháng 6 năm 2023. Theo đó, Lê Me đã trở thành công ty con của Công ty kể từ ngày này.

Lê Me là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 5901099071, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 20 tháng 6 năm 2023. Hoạt động kinh doanh chính của Lê Me trong kỳ là trồng trọt và chăn nuôi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty	Ngày 30 tháng 6 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
	Tỷ lệ sở hữu %	Giá gốc đầu tư Ngàn VND	Tỷ lệ sở hữu %	Giá gốc đầu tư Ngàn VND
Công ty Cổ phần BAPI Hoàng Anh Gia Lai ("BAPI") (*)	44,50	27.500.000	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông	25,00	5.000.000	25,00	5.000.000
TỔNG CỘNG		32.500.000		(5.000.000)

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Số 1301/NQ-BAPI.23 ngày 13 tháng 1 năm 2023, các cổ đông của Công ty Cổ phần BAPI Hoàng Anh Gia Lai đã phê duyệt việc phát hành riêng lẻ thêm 5.000.000 cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu và các nhà đầu tư chiến lược mới nhằm mục đích tăng vốn cổ phần để mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty, các cổ đông và các nhà đầu tư mới đã hoàn tất một phần việc tăng vốn trên. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong BAPI giảm từ 55% xuống 44,50%, và BAPI trở thành công ty liên kết của Công ty kể từ ngày này.

13.3 Đầu tư vào các công ty khác

Tên công ty	Ngày 30 tháng 6 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc đầu tư Ngàn VND	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc đầu tư Ngàn VND
Công ty cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("HNG") (*)	9,44	1.041.431.040	9,44	1.041.431.040
Công ty Cổ phần Truyền thông Thanh Niên	2,00	6.200.000	2,00	6.200.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Hàng không Viễn Đông	-	1.160.041	-	1.160.041
TỔNG CỘNG		1.048.791.081		(607.101.485)

(*) Một phần cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (TM số 20).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Công cụ, dụng cụ	1.186.766	1.153.117
Tiền thuê đất trả trước	-	7.886.076
Chi phí trả trước khác	257.472	738.485
TỔNG CỘNG	1.444.238	9.777.678

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Phải trả người bán hàng hóa và dịch vụ	65.939.155	271.216.701
Phải trả người bán máy móc và thiết bị	65.800	-
TỔNG CỘNG	66.004.955	271.216.701
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả cho các bên liên quan (TM số 28)</i>	35.243.970	240.704.013
<i>Phải trả cho các bên thứ ba</i>	30.760.985	30.512.688

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Nhận ứng trước của khách hàng thương mại	10.569.587	10.396.667
<i>Trong đó:</i>		
<i>Ứng trước từ các bên liên quan (TM số 28)</i>	8.710.717	8.710.717
<i>Ứng trước từ các bên thứ ba</i>	1.858.870	1.685.950

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngàn VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2023
Thuế giá trị gia tăng	2.116.165	2.152.594	(3.840.078)	428.681
Thuế thu nhập cá nhân	1.868.613	1.526.931	(3.021.226)	374.318
Thuế thu nhập doanh nghiệp	65.230	570.339	(549.614)	85.955
Thuế tiêu thụ đặc biệt	3.909	24.474	(25.265)	3.118
Khác	212.293	5.657	(217.950)	-
TỔNG CỘNG	4.266.210	4.279.995	(7.654.133)	892.072

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Ngắn hạn		
Chi phí lãi vay	2.731.355.665	2.552.949.571
Chi phí phát hành trái phiếu	15.908.108	15.908.108
Chi phí hoạt động	4.632.460	10.050.838
Chi phí lãi HĐHTKD	2.427.180	2.427.180
Khác	10.723.634	10.723.635
	<u>2.765.047.047</u>	<u>2.592.059.332</u>
Dài hạn		
Chi phí lãi vay	<u>571.942.908</u>	<u>490.236.779</u>
TỔNG CỘNG	<u>3.336.989.955</u>	<u>3.082.296.111</u>

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Ngắn hạn		
Phải trả tiền mượn từ các cá nhân và các công ty (i)	391.266.810	78.548.387
Phải trả do thu hộ	46.825.821	43.910.747
Khác	5.543.690	730.753
	<u>443.636.321</u>	<u>123.189.887</u>
Dài hạn		
Phải trả do thu hộ	<u>7.666.626</u>	<u>7.666.626</u>
TỔNG CỘNG	<u>451.302.947</u>	<u>130.856.513</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả ngắn hạn các bên liên quan (TM số 28)</i>	370.707.788	58.024.528
<i>Phải trả các bên thứ ba</i>	80.595.159	72.831.985

- (i) Khoản này thể hiện các khoản vay không lãi suất và không yêu cầu tài sản đảm bảo từ các cá nhân, các công ty khác và các bên liên quan của Công ty nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VAY

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Vay ngắn hạn		
Trái phiếu thường dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm	<u>1.960.030.298</u>	<u>1.958.725.949</u>
Vay dài hạn		
Trái phiếu thường dài hạn	<u>3.584.212.854</u>	<u>3.581.600.405</u>
TỔNG CỘNG	<u>5.544.243.152</u>	<u>5.540.326.354</u>

Chi tiết tình hình tăng (giảm) các khoản vay trong kỳ như sau:

	Ngàn VND		
	Ngắn hạn	Dài hạn	Tổng cộng
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	1.958.725.949	3.581.600.405	5.540.326.354
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	<u>1.304.349</u>	<u>2.612.449</u>	<u>3.916.798</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2023	<u>1.960.030.298</u>	<u>3.584.212.854</u>	<u>5.544.243.152</u>

Trái phiếu thường dài hạn

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Tổ chức thu xếp phát hành		
BIDV và Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BSC")	5.271.000.000	5.271.000.000
Công ty TNHH Chứng khoán ACB ("ACBS")	300.000.000	300.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu	<u>(26.756.848)</u>	<u>(30.673.646)</u>
TỔNG CỘNG	<u>5.544.243.152</u>	<u>5.540.326.354</u>
Trong đó:		
Trái phiếu dài hạn	3.584.212.854	3.581.600.405
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm	<u>1.960.030.298</u>	<u>1.958.725.949</u>

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VAY (tiếp theo)

Trái phiếu thường dài hạn (tiếp theo)

Tổ chức thư xếp phát hành	Trái chủ	Số tiền (Ngàn VND)	Lãi suất (%/năm)	Ngày đáo hạn cuối cùng	Mục đích
---------------------------------	----------	-----------------------	---------------------	------------------------------	----------

BIDV và BSC	BIDV (*)	5.271.000.000		Ngày 30 tháng 12 năm 2026	Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn
----------------	----------	---------------	--	------------------------------------	--

Trung bình công
của lãi suất tiền
gửi tiết kiệm cá
nhân kỳ hạn
mười hai (12)
tháng bằng VND
được công bố tại
Chỉ nhánh của
bốn (4) Ngân
hàng thương mại
tại Tỉnh Gia Lai,
bao gồm:
Agribank, BIDV,
Vietcombank và
Vietinbank cộng
với biên độ 3,00
(2023:
9,30 - 10,40)

Tài sản thế chấp
(TM số 10, 11, 12, 13 và 21.2)

Diện tích 4.852,74 ha cao su và Quyền thuê phát sinh theo Hợp đồng thuê đất, toàn bộ tài sản là động
sản, bất động sản gắn liền với đất tại Tỉnh Attapeu và Tỉnh Sê Kông (Lào) do Công ty TNHH CN&NN
Cao su Hoàng Anh - Quang Minh làm chủ sở hữu;

Diện tích 9.996,9 ha cao su và Quyền thuê phát sinh theo Hợp đồng thuê đất, toàn bộ tài sản là động
sản, bất động sản gắn liền với đất do Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu làm
chủ sở hữu;

Quyền sở hữu, khai thác rừng trồng 4.733,01 ha cao su và 3.155,79 ha cò dầu tại tỉnh Attapeu (Lào)
của Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu;
44.926.000 cổ phiếu HAG do ông Đoàn Nguyên Đức sở hữu;

Quyền sở hữu, khai thác rừng trồng 1.960,91 ha cao su tại tỉnh Ratanakiri (Campuchia) của Công ty
TNHH MTV Heng Brothers;
Quyền sở hữu, khai thác rừng trồng 3.283,7 ha cao su tại tỉnh Ratanakiri (Campuchia) của Công ty
TNHH MTV CRD;

Công trình Bệnh viện Đại học Y được HAGL thuộc Công ty Cổ phần Bệnh viện Đại học Y được HAGL,
Trụ sở văn phòng làm việc Hoàng Anh Gia Lai thuộc sở hữu của Công ty;
Khách sạn Hoàng Anh Gia Lai thuộc sở hữu của Công ty;

Khu liên hợp Học viện bóng đá Hoàng Anh Gia Lai thuộc sở hữu của Công ty;
16,5 ha chuỗi trên đất thuộc Học viện bóng đá Hoàng Anh Gia Lai thuộc sở hữu của Công ty;
2 tầng khu thương mại thuộc Tổ hợp khu chung cư - Thương mại cao cấp Bầu Thạc Giản, Đà Nẵng

thuộc sở hữu của Công ty;
13.310.000 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty;
7 xe ô tô thuộc sở hữu của Công ty;

Trụ sở làm việc và nhà xưởng sản xuất, chế biến gỗ và hàng mộc dân dụng
(tại phường Chi Lăng, Gia Lai) thuộc Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai;
Nhà máy gỗ nội thất (tại Chư Prông, Gia Lai) thuộc Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai

Máy móc thiết bị thuộc Bệnh viện Đại học Y được HAGL;
335 ha chuỗi tại Attapeu, Lào thuộc Công ty MTV Phát triển nông nghiệp Khăn Xay
2.789,72 ha tại Stung Cheng, Campuchia thuộc Công ty TNHH Sản xuất Bột Mì;

Máy móc thiết bị thuộc Công ty TNHH Hưng Thịnh Lợi Gia Lai;
141,60 ha tại Stung Treng, Campuchia thuộc Công ty TNHH Sản xuất Bột Mì;
Quyền sử dụng đất số BY 440726 với diện tích 6.993,2 m² tại đường Phù Đồng, thành phố Pleiku,
tỉnh Gia Lai;

119 căn hộ thuộc Cao ốc văn phòng và nhà ở cao cấp HAGL tại địa chỉ Hoàng Văn Thụ,
phường Điện Hồng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai;

Công trình nhà máy đá Granit HAGL theo GCN số BS 463258.

(*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và vào ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, diện tích trồng cao su và cò dầu thực tế đang thấp hơn phần diện tích để cấp trong phần
Mục đích giải ngân của Hợp đồng Tín dụng. Các cam kết lần lượt là 4.852,74 ha cao su và 7.102 ha cò dầu. Cùng tại ngày này, Công ty cũng chưa tiến hành thanh toán lãi vay phải
trả đã đến hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 với tổng giá trị là 2.656.004.057 ngàn VND. Vào ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Công ty đã có kế hoạch thanh
toán khoản lãi vay đã đến hạn trên.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VAY (tiếp theo)

Trái phiếu thường dài hạn (tiếp theo)

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Lãi suất %/năm	Ngày đáo hạn	Mục đích	Tài sản thế chấp (TM số 21.2)
ACBS	Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	300.000.000 Ngàn VND	Lãi suất tiền gửi kỳ hạn mười ba (13) tháng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong cộng với biên độ 4,50 (2023: 10,00)	Ngày 30 tháng 9 năm 2023	Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn	47.000.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Ông Đoàn Nguyên Đức.

Chi phí phát hành trái phiếu (26.756.848)

TỔNG CỘNG 5.544.243.152

Trong đó:

Trái phiếu dài hạn 3.584.212.854

Trái phiếu dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm 1.960.030.298

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lỗi lũy kế	Tổng cộng
					Ngàn VND
Năm trước					
Ngày 1 tháng 1 năm 2022	9.274.679.470	(686.640)	279.895.303	(3.716.219.664)	5.837.668.469
Lỗi thuần trong kỳ	-	-	-	(91.197.338)	(91.197.338)
Chi thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát và Thư ký	-	-	-	(1.116.000)	(1.116.000)
Ngày 30 tháng 6 năm 2022	9.274.679.470	(686.640)	279.895.303	(3.808.533.002)	5.745.355.131
Năm nay					
Ngày 1 tháng 1 năm 2023	9.274.679.470	(686.640)	279.895.303	(3.538.482.551)	6.015.405.582
Lỗi thuần trong kỳ	-	-	-	(101.914.619)	(101.914.619)
Chi thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát và Thư ký	-	-	-	(768.000)	(768.000)
Ngày 30 tháng 6 năm 2023	9.274.679.470	(686.640)	279.895.303	(3.641.165.170)	5.912.722.963

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.2 Cổ phiếu

	<i>Số lượng cổ phiếu</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Cổ phiếu được phép phát hành	927.467.947	927.467.947
Cổ phiếu đã bán ra công chúng	927.467.947	927.467.947
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>927.467.947</i>	<i>927.467.947</i>
Cổ phiếu đang lưu hành	927.399.283	927.399.283
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>927.399.283</i>	<i>927.399.283</i>
Cổ phiếu quỹ	68.664	68.664
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>68.664</i>	<i>68.664</i>

Cổ phiếu phổ thông của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

Như được trình bày tại *Thuyết minh số 20*, một phần cổ phiếu phổ thông đã được dùng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay trái phiếu của Công ty.

22. DOANH THU

22.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Ngàn VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Doanh thu thuần	23.217.432	78.358.282
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	23.217.432	12.442.053
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	-	65.916.229
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu từ các bên liên quan (TM số 28)</i>	9.110.232	66.350.622
<i>Doanh thu từ các bên khác</i>	14.107.200	12.007.660

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. DOANH THU (tiếp theo)

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Ngàn VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Lãi cho vay và lãi tiền gửi ngân hàng	251.977.961	218.487.304
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	504.600	7.031.370
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư	-	60.049.183
TỔNG CỘNG	252.482.561	285.567.857
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu từ các bên thứ ba</i>	<i>251.811.178</i>	<i>217.965.846</i>
<i>Doanh thu từ các bên liên quan (TM số 28)</i>	<i>671.383</i>	<i>67.602.011</i>

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Ngàn VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Giá vốn dịch vụ cung cấp	19.616.974	7.679.642
Giá vốn hàng hóa đã bán	-	65.144.075
TỔNG CỘNG	19.616.974	72.823.717

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Ngàn VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Chi phí lãi vay	293.628.738	238.833.674
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	19.760.858	618.821.183
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	988	-
Khác	102.804	140.553
TỔNG CỘNG	313.493.388	857.795.410

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Ngàn VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Chi phí bán hàng		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.018.990	305.800
Chi phí lương nhân viên	187.260	193.275
Chi phí bán hàng khác	745.008	436.757
	<u>1.951.258</u>	<u>935.832</u>
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí lương nhân viên	17.181.277	16.585.183
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.443.280	13.706.341
Dự phòng (hoàn nhập dự phòng)	5.085.796	(542.301.926)
Chi phí khấu hao và hao mòn	2.178.606	2.205.760
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	3.290.769	2.066.074
	<u>36.179.728</u>	<u>(507.738.568)</u>
TỔNG CỘNG	<u>38.130.986</u>	<u>(506.802.736)</u>

26. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Ngàn VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Thu nhập khác		
Thu nhập khác	9.516	441.618
Chi phí khác		
Lỗi từ thanh lý TSCĐ	2.876.470	-
Xóa sổ công nợ	1.950.754	23.823.160
Các khoản phạt	-	5.137.653
Chi phí khác	932.052	1.259.679
	<u>5.759.276</u>	<u>30.220.492</u>
LỖ KHÁC	<u>(5.749.760)</u>	<u>(29.778.874)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngàn VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Chi phí thuế TNDN hiện hành	570.339	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	53.165	1.528.212
TỔNG CỘNG	623.504	1.528.212

27.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN phải trả được xác định dựa trên (lỗ tính thuế) thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại và kỳ trước. (Lỗ tính thuế) thu nhập chịu thuế khác với lỗ được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp giữa niên độ vì (lỗ tính thuế) thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu lỗ thuần trước thuế và lợi nhuận tính thuế:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngàn VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Tổng lỗ kế toán trước thuế	(101.291.115)	(89.669.126)
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí lãi vay không được trừ	-	110.101.092
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(265.825)	(7.641.060)
Lỗ thuế chưa ghi nhận tài sản thuế hoãn lại	13.311.875	-
Các chi phí không được khấu trừ khác	91.096.759	20.346.370
Lợi nhuận tính thuế ước tính trong kỳ hiện hành	2.851.694	33.137.276
Lỗ kỳ trước chuyển sang	-	33.137.276
Chi phí thuế TNDN hiện hành	570.339	-
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	65.230	65.230
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(549.614)	-
Thuế TNDN phải trả cuối kỳ (TM số 17)	85.955	65.230

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

27.2 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số khoản thuế TNDN hoãn lại phải trả với các biến động trong kỳ này và kỳ trước như sau:

	Ngàn VND			
	Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Chênh lệch tỷ giá hối đoái từ đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(1.863.454)	(1.810.289)	(53.165)	(1.528.212)
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	(1.863.454)	(1.810.289)		
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			(53.165)	(1.528.212)

27.3 Lỗi thuế chuyển sang từ năm trước

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau kỳ phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 43.935.719 ngàn VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 30.623.844 ngàn VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	Đã chuyển lỗ đến		Chưa chuyển lỗ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023
			ngày 30 tháng 6 năm 2023	Không được chuyển lỗ	
2019	2024	383.627.251 (*)	(357.690.391)	-	25.936.860
2022	2027	4.686.984 (**)	-	-	4.686.984
2023	2028	13.311.875 (**)	-	-	13.311.875
TỔNG CỘNG		401.626.110	(357.690.391)	-	43.935.719

(*) Lỗ tính thuế đã được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này.

(**) Lỗ tính thuế chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ lỗ tính thuế chuyển sang các kỳ sau do chưa chắc chắn được thu nhập chịu thuế phát sinh trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Lê Me	Công ty liên quan (tới ngày 20 tháng 6 năm 2023) Công ty con trực tiếp (từ ngày 20 tháng 6 năm 2023)
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Công ty con trực tiếp
Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần Bệnh viện Đại học Y dược - Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần BAPI Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con trực tiếp (đến ngày 19 tháng 1 năm 2023) Công ty liên kết (từ ngày 19 tháng 1 năm 2023)
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Khăn Xay	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Mang Yang	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Sản xuất Bột mì	Công ty con gián tiếp (từ ngày 20 tháng 6 năm 2023)
Công ty Cổ phần Trồng trọt Gia Lai	Công ty con gián tiếp (từ ngày 20 tháng 6 năm 2023)
Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao Bolaven	Công ty con gián tiếp (từ ngày 1 tháng 4 năm 2023)
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Hoàn Thịnh Attapeu	Công ty con gián tiếp (từ ngày 20 tháng 6 năm 2023)
Công ty Cổ phần Chế biến thức ăn gia súc Trà Bá	Công ty con gián tiếp (từ ngày 20 tháng 6 năm 2023)
Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty TNHH Công nghiệp & Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Chế biến Thức ăn Gia súc Đông Gia Lai	Công ty liên quan
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai - CN Nhà Máy Nhựa	Công ty liên quan
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Dược Thú y Nasa	Công ty liên quan
Công ty TNHH Một Thành viên Bao bì Linh Khang	Công ty liên quan



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Danh sách các bên liên quan tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Ông Trần Quang Dũng	Phó giám đốc công ty con
Ông Nguyễn Ngọc Mai	Giám đốc công ty con
Ông Lê Văn Thạch	Giám đốc công ty con
Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT
Võ Trường Sơn	Thành viên HĐQT, kiêm Tổng giám đốc
Võ Thị Huyền Lan	Thành viên HĐQT (đến ngày 28 tháng 4 năm 2023)
Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc
Trần Văn Dai	Thành viên HĐQT
Nguyễn Chí Thắng	Thành viên HĐQT (từ ngày 28 tháng 4 năm 2023) kiêm Giám đốc công ty con
Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng giám đốc
Đỗ Trần Thùy Trang	Trưởng BKS
Lê Hồng Phong	Thành viên BKS
Phạm Ngọc Châu	Thành viên BKS
Lê Trương Y Trâm	Kế toán trưởng
Đoàn Thị Mai Phương	Thư ký Công ty kiêm Người phụ trách quản trị Công ty
Hồ Thị Mỹ Loan	Thư ký Công ty

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Công ty Cổ phần Lê Me	Công ty con	Tăng khoản đầu tư	3.450.326.000	2.145.600.000
		Lãi cho vay	132.836.456	126.658.158
		Cho vay	-	679.440.000
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Công ty con	Lãi cho vay	35.842.305	17.011.382
		Chi hộ	314.300	-
		Cho vay	-	20.300.000
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	51.000
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty con	Lãi cho vay	32.862.290	23.559.840
		Cho vay	28.000.000	20.000.000
		Chi hộ	266.329	-
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	46.251	19.577
		Mua hàng hóa	-	1.241.048
Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Công ty con	Lãi cho vay	27.093.872	19.658.413
		Cho mượn	19.000.000	-
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	7.375.437	65.906.029
		Cho vay	2.000.000	859.450.770
		Mua hàng hóa và dịch vụ	1.650.335	49.192.675
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Lãi cho vay	20.567.003	34.267.925
		Lãi trái phiếu	15.083.333	-
		Cho vay	-	155.619.000
Công ty Cổ phần Bệnh viện Đại học Y dược - Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mượn tiền	12.000.000	-
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	148.335	27.829
		Cho mượn	-	500.000
		Mua hàng hóa và dịch vụ	-	57.640

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con	Lãi cho vay Chi hộ	2.609.252 442.080	2.072.326 -
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Cho mượn Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ Chi hộ Cho vay	1.720.000 371.466 230.754 -	- 320.379 132.660 23.690.500
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	970.345	-
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Khăn Xay	Công ty con	Chi hộ	469.204	395.649
Công ty Cổ phần BAPI Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ Góp vốn	198.398 -	- 27.500.000
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Lãi cho vay Cho vay Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ Mua hàng hóa	- - - -	6.812.291 2.000.000 78.318 33.285
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	Lãi cho vay	-	1.874.921
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất Động sản An Phú	Công ty liên quan	Mua dịch vụ	-	303.542

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (TM số 5)				
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	6.058.909	5.628.742
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	4.763.244	4.756.694
Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	3.928.393	168.105.994
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	3.452.085	3.452.085
Các công ty khác	Công ty liên quan	Các khoản khác	1.249.074	1.084.985
			19.451.705	183.028.500
Trả trước cho người bán ngắn hạn (TM số 6)				
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con	Ứng trước mua hàng hóa	286.841.877	286.841.877
Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Công ty con	Ứng trước mua hàng hóa	25.371.512	-
			312.213.389	286.841.877
Phải thu về cho vay ngắn hạn (TM số 7) (*)				
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Công ty con	Cho vay	667.097.490	148.835.651
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty con	Cho vay	635.840.018	8.907.530
Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Công ty con	Cho vay	518.851.668	519.148.888
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Cho vay	501.187.910	501.373.770
Công ty TNHH Dịch vụ Nông Nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Cho vay	398.797.080	398.797.080
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con	Cho vay	49.900.701	49.900.701
Công ty Cổ phần Lê Me	Công ty con	Cho vay	-	2.753.404.202
			2.771.674.867	4.380.367.822

(*) Khoản này thể hiện khoản cho các bên liên quan vay tín chấp với thời hạn hoàn trả trong năm từ năm 2023 đến năm 2024 với lãi suất 10,40%/năm, nhằm mục đích tái cơ cấu các khoản nợ trong các công ty này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Phải thu về cho vay dài hạn (TM số 7) (*)				
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Cho vay	883.510.127	883.510.126
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Cho vay	109.421.445	109.304.691
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Cho vay	16.271.994	16.254.633
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty con	Cho vay	-	605.632.488
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Công ty con	Cho vay	-	183.116.833
			1.009.203.566	1.797.818.771

(*) Khoản này thể hiện khoản cho các bên liên quan vay tín chấp với thời hạn hoàn trả từ năm 2024 đến năm 2026 với lãi suất 10,40%/năm, nhằm mục đích tái cơ cấu các khoản nợ trong các công ty này.

Các khoản cho các bên liên quan vay ngắn hạn và dài hạn đã được phê duyệt tại kỳ họp Đại Hội đồng Cổ đông ngày 29 tháng 4 năm 2023, phù hợp với các điều khoản và quy định liên quan đến việc cung cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các cổ đông và những người có liên quan theo Nghị định 71/2017/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 6 tháng 6 năm 2017 quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Phải thu ngắn hạn khác (TM số 8)				
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp ĐạI Thắng	Công ty con	Chi trả hộ Lãi cho vay Khác	577.289.869 25.851.890 32.274	576.679.710 23.242.638 -
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty con	Chi trả hộ Lãi cho vay Khác	520.002.356 117.982.225 266.329	197.920.332 - 83.837.000
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Công ty con	Lãi cho vay Khác	122.245.566 1.279.794	- 1.015.617
Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Công ty con	Chi trả hộ Lãi cho vay Khác	153.906.309 111.497.471 12.923	409.253.577 97.745.436 -
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Lãi cho vay Chi trả hộ Khác	81.731.532 1.300.000 22.000	61.164.527 1.300.000 22.000
Công ty TNHH Sản xuất Bột Mì	Công ty con	Khác	1.361.471	-
Công ty Cổ phần Chế biến thức ăn Gia súc Trà Bá	Công ty con	Khác	6.709	-
Công ty Cổ phần Lê Me	Công ty liên quan	Lãi cho vay	-	649.991.651
Các bên khác	Bên liên quan	Khác	1.238.363	1.071.574
			1.716.027.081	2.103.244.062
Phải thu dài hạn khác (TM số 8)				
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Lãi cho vay	10.353.403	10.342.357
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Lãi cho vay	1.589.890	1.588.193
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Công ty con	Lãi cho vay	-	86.403.261
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty con	Lãi cho vay	-	85.119.935
			11.943.293	183.453.746

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Phải trả người bán ngắn hạn (TM số 15)				
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con	Mua hàng hóa	15.503.068	15.503.068
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hóa	8.982.932	8.982.932
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Mua hàng hóa	7.509.227	7.509.227
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Mua hàng hóa	2.699.174	2.699.174
Công ty TNHH Hưng Thịnh Lợi Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hóa	131.425	204.738.822
Các công ty khác	Bên liên quan	Mua hàng hóa	418.144	1.270.790
			35.243.970	240.704.013
Người mua trả tiền trước ngắn hạn (TM số 16)				
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty con	Tạm ứng mua hàng hóa và dịch vụ	8.640.087	8.640.087
Công ty Cổ phần BAPI Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Tạm ứng mua hàng hóa và dịch vụ	70.630	70.630
			8.710.717	8.710.717

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Phải trả ngắn hạn khác (TM số 19)				
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Công ty con	Mượn	313.783.260	-
Công ty Cổ phần Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mượn	26.790.083	18.790.083
Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Công ty con	Thu hộ	22.769.750	22.769.750
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty con	Thu hộ	6.337.000	5.737.000
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Thu hộ	715.275	10.415.275
Các công ty khác	Bên liên quan	Khác	312.420	312.420
			370.707.788	58.024.528

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ như sau:

Tên	Chức vụ	Ngàn VND	
		Thu nhập (*)	Thu nhập (*)
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	1.251.264	1.479.370
Ông Võ Trường Sơn	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	941.168	1.260.987
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	709.201	902.799
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc	468.616	756.829
Bà Đỗ Trần Thùy Trang	Trưởng Ban Kiểm soát	338.380	433.056
Ông Trần Văn Dai	Thành viên HĐQT	81.000	-
Bà Võ Thị Huyền Lan	Thành viên HĐQT	81.000	108.000
Ông Lê Hồng Phong	Thành viên Ban Kiểm soát	54.000	64.800
Ông Phạm Ngọc Châu	Thành viên Ban Kiểm soát	54.000	-
Các cá nhân khác		345.649	817.495
TỔNG CỘNG		4.324.278	5.823.336

(*) Bao gồm tiền lương và/hoặc các khoản thù lao khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Công ty thuê các lô đất tại Việt Nam để xây dựng nhà xưởng, khách sạn. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty ước tính số tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai cho các lô đất thuê này theo các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Dưới 1 năm	1.703.013	1.900.828
Từ 1 đến 5 năm	6.028.234	6.209.726
Trên 5 năm	<u>31.080.092</u>	<u>31.725.652</u>
TỔNG CỘNG	<u>38.811.339</u>	<u>39.836.206</u>

Cam kết bảo lãnh

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty đang dùng 64.375.000 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty để đảm bảo cho các khoản vay của HNG.

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 13/23/NQHĐQT-HAGL ngày 10 tháng 8 năm 2023, nhằm mục đích đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ tín dụng của Công ty TNHH Hưng Thịnh Lợi Gia Lai ("Hưng Thịnh Lợi"), công ty con của Công ty, tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Gia Lai với hạn mức tín dụng 500.000.000 ngàn VND trong thời hạn hiệu lực là 12 tháng cho mục đích bổ sung vốn lưu động, Công ty đã cầm cố 30.000.000 cổ phần trong Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai, một công ty con khác của Công ty và cam kết bảo lãnh toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của Hưng Thịnh Lợi phát sinh từ các Hợp đồng tín dụng trong hạn mức nêu trên.

Ngoài ra, theo Hợp đồng tín dụng số 01/2015/7694660/HĐTD ký ngày 24 tháng 9 năm 2015 và Hợp đồng tín dụng số 01/2018/7694660/HĐTD ký ngày 2 tháng 10 năm 2018 giữa Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Bá Thước ("Bá Thước") và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hoá ("BIDV Thanh Hóa"), Công ty đã cam kết bảo lãnh cho Bá Thước vay vốn tại BIDV Thanh Hóa theo Thư bảo lãnh vay vốn số 0109/CV-BLHAGL ký ngày 1 tháng 9 năm 2015 với tổng dư nợ gốc là 160.000.000 ngàn VND cùng toàn bộ lãi, phí và phạt phát sinh (nếu có).

30. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Nợ khó đòi đã xử lý		
- Công ty Cổ phần Thể Thao Hoàng Anh Gia Lai	446.003.332	444.052.578
- Công ty TNHH MTV Xây Lắp Điện	6.992.216	6.992.216
- Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh GL - Kontum	<u>3.720.000</u>	<u>3.720.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>456.715.548</u>	<u>454.764.794</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngoài sự kiện được đề cập ở Thuyết minh số 29, không có các sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty.



Phạm Thị Thu Hà
Người lập

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2023



Lê Trương Y Trâm
Kế toán trưởng



Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc